

ĐÊM TRƯỚC ĐỔI MỚI

Posted by Bạn đọc on 31-01-2007 (461)

VietTide

Dưới đây là một số đoạn ký sự được trích từ cuốn ĐÊM TRƯỚC ĐỔI MỚI, do nhiều tác giả biên soạn và do nhà xuất bản Trẻ và tuần báo Tuổi Trẻ phát hành ở Sài Gòn vào tháng 4-2006. Trong bầu không khí mà báo, đài trong nước cố gắng khua chiêng gõ trống để chào mừng "Đại Hội Đảng lần thứ X", sự xuất hiện một cuốn phóng sự "nhắc lại tội lỗi của Đảng CSVN" đối với quê hương, dân tộc thì đây là một hiện tượng lạ.

Lạ vì trong lúc đảng CSVN cố tình bưng bít những tội ác do mình đã gây ra và trong nghị trình Đại hội, chỉ có phần Đảng tự đánh giá 20 năm thành quả (1986-2006) kể từ năm Đổi Mới trở đi, thì cuốn sách đã đi ngược lại ý đồ này để phơi bày rất nhiều thảm trạng vốn đã từng xảy ra trong Thời Bao Cấp:

" Hòa bình rồi, tiếng reo vui chưa được bao lâu thì người dân hai miền Nam-Bắc phải đối mặt với biết bao gian nan. Cả nước chạy gạo ăn từng bữa. Nhiều người vẫn còn giữ những tờ tem phiếu, số gạo ngả màu ó vàng thời gian, gọi cho họ cả một quãng đời mà người ta quen gọi là thời bao cấp." (Ký ức thời "Số gạo"- trang 7)

Lại nữa, cuốn sách này không phải chỉ là một tác phẩm in ấn do nhu cầu tranh chấp phe phái nhất thời nhân Đại hội Đảng sắp họp, giống như vụ PMU 18 trong đó Bùi Tiến Dũng hay Nguyễn Việt Tiến bỗng trở thành những con dê tế thần. Nhóm chủ trương nhà xuất bản Trẻ hầu như còn muốn đi xa hơn nữa, qua Lời Nói Đầu của cuốn sách: " Chúng tôi vẫn thấy đây chỉ là một bản khởi thảo cần có kịp thời để nhắc nhớ một thời kỳ, một giai đoạn lịch sử của những năm tháng không thể nào quên. Và vì mới là khởi thảo, nên cuốn sách có lẽ còn chưa tái hiện đầy đủ những gì đáng ra phải tái hiện".

Những cái đáng ra phải tái hiện ấy bắt nguồn từ "những chủ trương sai", "hợp tác hóa cưỡng bức", " những tác hại của bệnh nhai lại giáo điều sinh ra mệnh lệnh quan liêu áp đặt" (trang 5), thật ra đã có biết cơ man nào là điều phải nói, phải ghi lại, nói theo như Nguyễn Trãi trong Bình Ngô Đại Cáo thì " Độc ác thay : Trúc rùng không ghi hết tội. Dơ bẩn thay: nước bể không rửa sạch mùi.", cho nên sẽ chẳng có riêng một cuốn sách nào dù là một công trình tập thể cũng không thể ghi lại được hết.

Nội dung của cuốn sách tuy chưa bao gồm hết những hoàn cảnh cơ cực mà tập đoàn lãnh đạo CSVN đã gây ra cho dân tộc VN trong suốt hơn 10 năm dài đen tối ấy, nhưng với thể phóng sự người thật, việc thật và với cung cách trình bày giản dị, chân thực, người đọc cũng có thể gợi nhớ được phần nào thực trạng xã hội VN dưới thời bao cấp. Dĩ nhiên thảm trạng xảy ra trong thời kỳ ấy sẽ còn rất nhiều, ai cũng đã nghe, đã thấy, nhất là những người sau biến cố 1975 còn kẹt lại, đã phải chịu đựng muôn vàn khốn khó trong nhiều năm trước khi vượt thoát để ra đi. Nói một cách tóm gọn, là đảng CSVN đã gây quá nhiều tội ác, đã đẩy đọa dân tộc triền miên trong cả quá khứ cũng như bây giờ. Những thảm trạng học tập cải tạo, đánh tư sản, đẩy đọa dân tư sản thành thị đi kinh tế mới...ngày trước, rồi ngày nay, mức độ cách biệt giàu nghèo giữa cán bộ nhà nước với nhân dân cùng khổ ở cả thôn quê lẫn thành thị đã lên tới mức cùng cực, dẫn tới những bi kịch gai quê VN phải đi làm nô lệ dưới hình thức cô dâu, ô sin nơi xứ người, công

nhân trong các xưởng máy thì bị cán bộ nhà nước toa đập với đám chủ tư bản người nước ngoài bóc lột đến xương tủy. Đó là chưa kể đến nạn tham nhũng vơ vét tiền của rút ra từ những công trình xây cất, những khu vực khai thác tài nguyên, những nguồn vốn đi vay của nước ngoài mà thế hệ mai sau sẽ phải nai lưng ra trả.

Trong phạm vi của một bài tường trình ngắn ngủi về cuốn sách này, xin trích lại sau đây một vài trường hợp để độc giả tường lãm.

SÀI GÒN NHỮNG NĂM 1980

Sống giữa Sài Gòn thời ấy, ông giáo Nguyễn Văn Hàng thềm bát cơm trắng và đủ thứ ừ: cây viết trơn tru, tờ giấy trắng, chiếc lốp xe chưa bị vá, chiếc xích chưa phải lộn... Hơn 20 năm rồi ông Hàng vẫn còn nhớ cái hôm chiếc xe đạp cà tàng bị banh niền. Ông mượn cây kim to và sợi cước dài vật lộn với chiếc lốp suốt đêm. Sáng hôm sau, ông đến lớp mà không cảm nổi viên phấn nhưng không biết phải giải thích thế nào với học sinh. Mấy ngón tay nứt toét, sưng lên. Thế mà ông vẫn ngày hai buổi đến lớp. Năm ấy, vợ ông sinh con đầu lòng. Tiêu chuẩn gạo hằng tháng được 13kg/khẩu, nhưng thường chỉ lĩnh được 3kg, còn lại qui đổi lúc bo bo, lúc bột mì, lúc mì sợi vụn, lúc khoai lang... Cả tiêu chuẩn gạo của ông giáo Hàng cũng ưu tiên dành cho vợ, mấy tháng trời ông quên mất trên đời còn có món cơm trắng. Còn thịt chỉ là thứ mơ ước. Một hôm hội đồng giáo viên bỗng nảy ý định biến mơ ước thành hiện thực: nuôi một con heo. Nhưng bằng cách nào? Cả tập thể nhảy vào bàn bạc và quyết định tập thể cùng nuôi. Con heo được nhốt vào khoảng trống giữa hai dãy phòng học. Ai có thức ăn thừa mang đến, nhưng khổ nỗi người không đủ ăn thì làm gì có thừa cho heo? Nhưng rồi vẫn có: nước vo gạo, ruột cá, gốc rau... Nhưng nước vo gạo thì trong veo, gốc rau thì cụt ngắn. Con heo con thềm cảm như trẻ con thềm sữa. Một học kỳ trôi qua, con heo chẳng lớn được bao nhiêu. Nhưng đến ngày đến tháng hội đồng giáo viên cũng đành xẻ thịt liên hoan. Thế mà buổi liên hoan vẫn linh đình vì có được mấy miếng thịt. Thầy Hàng bảo nửa năm rồi ông chưa ngửi được mùi thịt.

Nuôi heo cực quá, trường thầy Hàng chuyển hướng "đầu tư" nuôi chó. Ông hiệu trưởng "lý luận": không có gì cho chó ăn thì nó vẫn có thể tự kiếm lấy cái ăn. Tưởng nói đùa hóa ra ông hiệu trưởng đi xin chó con thật rồi gửi nuôi ở nhà bà cụ trong trường. Thầy cô giáo có canh thừa, cá cặn lại gom góp mang đến cho con chó của tập thể. Cuộc sống cứ thế trôi. Cây vẫn đơm hoa kết trái. Thầy cô cưới nhau trong cảnh mượn của người này chiếc áo trắng, của người kia chiếc cà vạt. Chén, đĩa, ly, đĩa... tập hợp của nhau lại bày cho đủ mâm. Nói thế cho sang chứ khẩu phần mỗi người ăn cỗ cưới chỉ có một miếng chả giò, một miếng dưa hấu và một quả chôm chôm. Thầy Hàng ra sân trường chặt một cành sứ vào trang trí, quét dọn sơ sơ để biến thành căn phòng... hạnh phúc. Nhưng chiếc giường quá ọp ẹp, chân gãy tự bao giờ. Một ông thầy bạn thân thầy Hàng vốn khéo tay được tín nhiệm giao chăm chút lại "tổ âm" cho đôi uyên ương. Chiếc giường đến giờ chót đủ bốn chân. Chú rẻ cười: Xem như xong cái căn bản nhất...

Không chỉ giới công chức, nhà giáo mà giới kinh doanh cũng khôn khó. Khi cuộc cải tạo công thương bắt đầu thì cuộc sống của ông Trần Văn Thành (nay trú tại 26C, ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh), từng là chủ xe ca chạy tuyến miền Trung, nhà cửa đàng hoàng, thường ăn cơm tiệm, cuối tuần hay đi mua sắm... cũng bắt đầu đổi khác. Sau bữa cơm đạm bạc, cha con đưa đẩy nhường nhau bát cơm độn, ông Thành xách túi ra xe, kéo theo

cái nhìn lo âu và tiếng thở dài của người thân. Bởi cái xe của ông quá cũ nát không an toàn khi bắt buộc phải chở quá tải trên những đoạn đường trường, bởi chắc chắn ông sẽ phải cố tìm một vài mặt hàng lậu để bù vào tiền xăng, dầu, bơm vá... Tiền lương của ông mỗi tháng không đủ chi tiêu cho một tuần sinh hoạt gia đình. Vì sao vậy? Ông kể: nổi nghiệp gia đình theo nghề lái xe, đến năm 1973 ông Thành sắm được một chiếc xe ca trị giá 3,5 triệu đồng, tương đương hơn 100 lượng vàng thời đó. Đây là một tài sản lớn, nghề khác không dễ có được. Ông Thành được xem là nhà tư sản "nhỏ" và ông đã có thể mơ đến chuyện thành lập một hãng xe. Lúc ấy dân tài xế nói riêng, những nhà buôn, dịch vụ nói chung làm ăn khấm khá. Bến xe miền Tây khi đó có một số hãng xe lớn sở hữu hàng chục phương tiện đất tiền như Hiệp Thành, Phi Long, Á Đông... không ngừng phát triển.

Nhưng sự phát triển đã dừng lại bởi "sáng kiến" công ty công tư hợp doanh. Tất cả mọi chiếc xe lớn nhỏ dù của ai cũng đều phải đem góp vào công ty. Giá xe do Nhà nước định mà trên thực tế thì nó chỉ tương đương với 1% giá thật. Đã vậy công ty chỉ mua chịu, trả dần, mỗi lần một ít. Có người đến khi không còn ở công ty, hoặc đã chết vẫn chưa được trả hết. Mà dù có được trả hết thì khoản tiền đó cũng không đủ mua chiếc xích lô. Bán xe xong, ai biết lái xe thì được nhận làm công nhân của công ty. Lái theo chuyến, ăn lương theo qui định. Ai không biết lái xe thì coi như mất xe. Có những ông chủ hãng xe 30-40 chiếc, cai quản hàng trăm lái phụ xe, nay muốn quá giang 30-40 km nếu không mua được vé thì vẫn bị đẩy xuống bến xe ngơ ngác trong bụi khói. Nhiều ông chủ xe xin mãi mới được làm phụ xe, còn bị anh lái xe do mình thuê ngày xưa mắng mỏ mỗi khi trái ý.

HÀ NỘI SAU NIỀM HÂN HOAN

Bà Đinh Thị Vận - 63 tuổi, phường Tương Mai, Hai Bà Trưng (Hà Nội), là công nhân Nhà máy Dệt 8-3 - vẫn còn nhớ sau giải phóng miền Nam, gia đình, cơ quan, khu phố của bà cũng như nơi nơi đều ngát ngậy trong niềm hạnh phúc vô bờ. Nhưng sau đây một vài năm thì giá cả tăng vùn vụt, cơ quan của bà không việc làm. Nồi cơm của gia đình bà nấu gạo "mậu dịch" (gạo từ kho các cửa hàng lương thực của Nhà nước) hôi đủ các thứ mùi: gián, mốc và có khi là xăng dầu...có khi lẫn những hạt sạn to như hạt ngô. Sau đó gạo mậu dịch cũng thiếu và ngày một lần đầy những sạn, ngô, khoai...Hường, con gái bà, từng nói lên mơ ước trong bài văn nộp cô giáo: "Ngày tết em mong sao có một nồi cơm trắng và một bát thịt kho...". Một ước mơ không có trong tâm thức những người trẻ bây giờ, nhưng không phải hiếm thời đó.

Mỗi tháng, theo chỉ tiêu, cả nhà bà Vận được nhận 2kg thịt. Gọi là thịt nhưng toàn mỡ vụn, bạc nhạc và lại chia làm hai lần. Lần nào cơ quan bà cũng chỉ đủ thịt chia cho 2/3 công nhân. Mỗi tổ phải tự bắt thằm. Ai trúng thì lĩnh trước, không trúng thì chờ đợt sau. Các chị tiếp phẩm (bộ phận chia thực phẩm) cân hệt mắt một lạng, có biết cũng phải cố mà cười. Ngày lĩnh thực phẩm cả nhà cứ phấp phồng, rình mò và hít khói bếp. Rán cho cùng kiệt mỡ, cẩn thận đổ vào liễn rồi bà mới cho "cả làng" muối mắm mặn chát vào kho với mấy miếng thịt để ăn dè. Cả khu tập thể công nhân nhà máy vui như hội. Khu phố lên đèn, ở những gia đình không được lĩnh, có tiếng chì chiết của ông chồng nào đó vì vợ không bốc trúng thằm... Rất nhiều nhu yếu phẩm khác như xà phòng, mì chính, chất đốt... của tất cả cán bộ công nhân viên chức khác cũng như vậy. Có năm ba tháng liền, bà chỉ được lĩnh vải mà không xà phòng. Có người như cô Hoa chồng chết, nhà có bốn người toàn phụ nữ (mẹ chồng, Hoa và hai con gái) nhưng khi lĩnh tiêu chuẩn quần áo lót thì toàn quần đùi, áo may-ô và dao cạo râu. Cô Hoa khóc cả tuần liền... Công ty của em bà

sản xuất sứ tích điện. Không có tiền, công ty trả lương cho công nhân bằng tích điện. Đơn vị có cao su trả bằng cao su, xí nghiệp có mũ cứng thì trả lương công nhân bằng mũ cứng... Những lúc như vậy lĩnh lương xong cũng không biết đem về đâu, để làm gì? Chuyên gia kinh tế Lê Văn Viện bảo rằng đó là bối cảnh chung của đời sống người dân trước năm 1986. Hầu như những mặt hàng thiết yếu đều đến tay người tiêu dùng qua kênh phân phối bằng hiện vật, tem phiếu và định lượng bằng chỉ tiêu...

(HÀNG CHỨC NGUYỄN- XUÂN TRUNG- QUANG THIÊN- Ký Ức Thời Sổ Gạo)

CHỈ TIÊU 'ĐỔ THAN'

Câu chuyện thời bao cấp khó tin nhưng có thật: Năm 1979, một công ty khai thác than ở Thái Nguyên được giao chỉ tiêu khai thác 150.000 tấn than. Nhưng năm đó các công ty khách hàng không đủ nguyên liệu sản xuất, máy móc, dây chuyền hỏng hóc... nên hoạt động cầm chừng, không cần nhiều đến than. Sản phẩm của công ty than nọ cứ ngày một chất chồng trong kho bãi. Đến lúc kho bãi không thể chứa thì công tác khai thác cũng phải "phanh" dần. Tuy nhiên chỉ còn hai tháng nữa là hết năm mà cái chỉ tiêu đó mới thực hiện được hơn nửa. Nỗi ám ảnh không đạt chỉ tiêu đe dọa số phận chính trị của tất cả ban lãnh đạo công ty, đến đồng lương tất cả cán bộ công nhân cũng như danh hiệu thi đua của toàn đơn vị. Không thể "bó tay", ban lãnh đạo công ty quyết định ăn ngủ tại công trường, thức trắng đêm cùng công nhân, vượt qua sương muối, gió máy miệt mài khai thác cho bằng đủ chỉ tiêu được giao. Công việc lúc này bận rộn và khó khăn gấp đôi bình thường vì sau khi mất công khai thác, công ty còn mất một công nữa là... đổ than đi! Đổ xuống vực, xuống suối, xuống hang... hay bất cứ đâu cũng được. Một số cán bộ lão thành quá bức xúc đã lên tiếng: "Chúng tôi gắn bó với mỏ than từ thời Pháp. Bọn chúng là thực dân, chúng tôi là phu mỏ nhưng cũng chưa bao giờ chúng tôi làm một việc kinh khủng thế này!...". Sự việc cuối cùng cũng đến tai cấp trên. Giám đốc công ty than bị khiển trách. Thế nhưng trong phiên họp tổng kết năm của toàn công ty, ông giám đốc mặt mũi đen nhem, hốc hác chạy lên bục phát biểu hào hứng: "Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua, nhưng với tinh thần đoàn kết, nhất trí cao, chúng ta đã phát huy phẩm chất sáng tạo, nỗ lực lao động và đã hoàn thành tốt chỉ tiêu cấp trên giao. Tỉnh đã có bằng khen cho tất cả các đơn vị hoàn thành chỉ tiêu."

Ông Bùi Văn Long, nguyên tổng giám đốc Liên hiệp Dệt Việt Nam (tiền thân Tổng công ty Dệt may), vẫn còn ám ảnh những con số chỉ tiêu: Dệt Thành Công được giao chỉ tiêu sản xuất 3 triệu m² vải/năm. Nhưng khi 1/3 dây chuyền đắp chiếu vì không phụ tùng thay thế, vốn lưu động Nhà nước cấp không nổi 1/2 nhu cầu thì cái chỉ tiêu ấy vẫn giữ nguyên. Đến lúc công ty khắc phục được khó khăn, năng lực dư thừa, thị trường "cháy" hàng thì chỉ tiêu ấy cũng không thay đổi.

Hai chữ "chỉ tiêu" trở thành "vòng kim cô" khủng khiếp trùm lên toàn bộ mọi hoạt động sản xuất. Nhà nước cung cấp nguyên nhiên vật liệu và vốn lưu động mỗi năm cho doanh nghiệp, kèm theo một con số sản phẩm nhất định mà doanh nghiệp phải làm ra rồi cũng nộp cho Nhà nước. Tuy nhiên, do thiếu tất cả mọi thứ, cộng với phương thức quản lý "của chung" nên hầu như không bao giờ những gì Nhà nước giao tương ứng với những gì Nhà nước muốn thu lại từ doanh nghiệp. Và những chỉ tiêu này cũng hủy diệt gần như hoàn toàn mọi sáng tạo, năng động của doanh nghiệp.

Chuyên gia sử kinh tế Đặng Phong kể lại câu chuyện cao su chạy từ Nam ra Bắc rồi quay lại Nam cũng chỉ vì cái "vòng kim cô" chỉ tiêu: Xí nghiệp Đồ hộp Xuất khẩu thành phố Hồ Chí Minh vì thiếu miếng lót cao su dưới nắp hộp trái cây xuất khẩu nhưng đến mua ở Công ty Cao

su miền Nam thì không được. Lý do: không có chỉ tiêu kế hoạch. Xí nghiệp cầu cứu ủy ban Kế hoạch thành phố thì nơi đây chuyên "quả bóng" cho ủy ban Kế hoạch nhà nước. Sau khi cân đối đầu ra - đầu vào, ủy ban Kế hoạch nhà nước đồng ý giao chỉ tiêu 300kg mủ cao su cho xí nghiệp nhưng đó là chỉ tiêu cho năm tới. Hỡi ôi, trái cây không thể chờ sang năm mới đóng hộp xuất khẩu. Xí nghiệp không thể chịu chết vì cái chỉ tiêu kế hoạch vô hồn. Bà giám đốc xí nghiệp sực nhớ có quen ông giám đốc Nhà máy cao su Sao Vàng Hà Nội. Đánh liều bay ra đàm phán với "ông Sao Vàng", "bà Đồ Hộp" vay được 300kg mủ cao su, quý ời là quý. Sau đó xí nghiệp không có mủ mà trả, đành trả bằng đồ hộp. "Ông Sao Vàng" càng mừng vì có quà cải thiện đời sống công nhân.

Cuộc sống quá khốn khó, động lực sản xuất, tinh thần trách nhiệm ngày một tiêu hao, nhiều căn bệnh phát sinh ở hầu hết các nhà máy xí nghiệp. Điển hình nhất là tệ ăn cắp. Ông Nguyễn Xuân Hà (nguyên giám đốc Công ty dệt Thành Công) vẫn còn nhớ kỷ niệm buồn: năm 1982, khi ông chuyển sang làm giám đốc Công ty dệt Thăng Lợi, có 5.000 công nhân nhưng tệ nạn trộm cắp trong nhà máy quá mức khủng khiếp. Trong ba tháng thực hiện "bàn tay sạch", nhà máy bắt được 15 kẻ gian trong đó có năm đảng viên. Thậm chí cả bí thư chi bộ cũng lấy cắp mô-tơ. Trộm cắp được lập thành băng nhóm trong cơ quan, liên kết với bên ngoài và thực hiện bằng các thủ thuật rất tinh vi. Nhưng khi tìm hiểu thì hầu hết thủ phạm đều từng là những người lao động rất tốt nhưng vì hoàn cảnh túng bần nên họ nhắm mắt làm liều.

XE CHẠY XĂNG THÀNH... CHẠY THAN

Ông Trần Văn Khang, nguyên giám đốc Công ty công tư hợp doanh Điều hành bến xe miền Tây, nói: "Sau giải phóng vài năm thì xăng không đủ cấp cho xe chạy. Những xe chạy xăng thời đó là loại hiện đại, máy móc tốt, chẳng lẽ để đắp chiếu. Một đề tài khoa học rất... nổi tiếng thời đó có khả năng biến loại động cơ hiện đại lùi lại hàng trăm năm đã được áp dụng. Đó là cải tạo xe chạy xăng thành... chạy than. Thế là từ vận tốc 70-100 km/h thành 20-35 km/h. Từ êm nhẹ, chiếc xe thành con quái vật không ngớt kêu gào. Xe chạy đến đâu, lửa, xỉ than rơi vãi ra đường đến đó và lửa từng làm cháy rừng khi đi qua rừng núi. Hành khách, nhà xe mặt lúc nào cũng đen như người âm phủ. Gặp dốc lớn, tất cả lại xuống xe: 1 2-3 hò dô ta... đẩy xe lên dốc." Bến xe miền Tây (TP.HCM) hai mươi mấy năm trước, thành phố chỉ có 1/4 lượng khách so với bây giờ, nhưng cảnh chen chúc vạ vật của người chờ xe không khác gì chạy loạn. Nhiều người đi từ tờ mờ sáng, ngoài tư trang, hàng hóa, họ còn đem theo một viên gạch. Đến cửa quầy bán vé khi trời chưa rõ mặt người, hành khách đã đua chen nhau đặt hòn gạch để xí chỗ xếp hàng mong mua vé trước. Vậy mà không ít người đợi đến 2-3 ngày vẫn không mua được vé, đành ra về. Lễ tết thì khỏi phải nói.

Bến xe phía Nam (Hà Nội) cũng y như thế. Thời bao cấp không mấy khi hành khách mua được vé trực tiếp từ bến xe mà chủ yếu là vé chợ đen. Riêng bến xe Kim Liên - Hà Nội (cũ) lúc nào cũng có 5-7 băng nhóm phe vé. Mỗi nhóm 5-7 người. Bọn họ bám chặt và sống ký gửi vào bến xe này với công việc duy nhất: mua càng nhiều vé xe càng tốt. Ngày đó những cảnh như một bà lão còng lưng dốc hết tay nải để tìm những đồng tiền cuối cùng nhưng vẫn không đủ đòi hỏi của tay phe vé. Bà phải rút chuyến. Những hành khách tội nghiệp như bà, vừa khóc vừa liêu xiêu giữa bến xe chiều, không phải là chuyện hiếm. Lái xe Trần Văn Thành than: Hành khách khốn khổ thì phận lái xe cũng rất khốn nạn. Săm lốp, phụ tùng, thùng, máy, xăng dầu... đều được tính theo chỉ tiêu (tính số kilômet vận hành để được cấp mới hay trung, đại tu) nhưng cái chỉ tiêu ấy chỉ có thể áp dụng trên giấy vì nó rất phi lý. Hồng hóc thiếu thốn, chấp vá đủ kiểu nhưng vẫn

không thể sống được. Nhiều người bỏ xe giữa đường, bỏ nghề, bỏ cơ quan về luôn. Mấy tháng sau, do địa phương yêu cầu, công ty mới cho xe ra kéo cục sắt ấy về. Ai không dám bỏ nghề thì buộc phải bỏ tiền túi mà chữa xe. Tiền đâu? Lại phải buôn hàng lậu (thật ra chỉ là gạo, thịt, mắm muối, xà phòng...) hay bắt thêm khách, lại phải lo lót luôn củi... Trong giới lái xe cũng có rất nhiều người đã phải bán nhà để sửa xe cho Nhà nước. Cho đến tận bây giờ nhiều người khi đã bỏ nghề chạy xe vẫn không mua nổi căn nhà cũ để ở.
(XUÂN TRUNG- QUANG THIÊN- Vòng Kim Cô)

THỜI CỦA TRẠM GÁC

Một chiếc xe tải lấm đày bùn đất xịt khói đen chạy âm âm qua đường. Thùng xe bịt một tấm bạt lớn đập phàn phật. Đi ngược nó là đoàn xe công tác của cán bộ. Và lập tức ông cán bộ cho quay xe đuổi theo. Đến ngang chừng chiếc xe tải, ông rút súng ngắn chĩa lên trời bắn ba phát đạn đánh giòn rợn tóc gáy. Chiếc xe tải sợ hãi dừng lại. Người rượt đuổi là một ông Phó chủ tịch UBND tỉnh muốn kiểm tra hàng lậu. Ông Chín Cẩn (Nguyễn Văn Chính), nguyên bí thư Tỉnh ủy Long An, kể lại câu chuyện mà ông được chứng kiến tại tỉnh mình vào thời kỳ bao cấp với mệnh lệnh cấm buôn bán tự do như thế. Chiếc xe tải đó thật ra giống như bất cứ phương tiện nào. Cứ có dấu hiệu chở được thứ gì đó thì sẽ bị cán bộ kiểm tra. Bởi tất cả mọi thứ hàng hóa không phải của ngành thương mại thì đều là hàng lậu. Trong khi cuộc sống đang cần càng nhiều hàng thì nguồn cung từ quốc doanh chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ. Chính vì vậy mà gạo, thịt, bánh kẹo, bột giặt, áo quần, mũ dép... đều có thể là hàng lậu ở bất cứ nơi nào, lúc nào... Thời đó, người dân nào cũng có thể là "con phe" (dân buôn lậu) nên cán bộ chống buôn lậu rất nhiều. Công an, thuế vụ có thể kiểm tra xét hỏi bất cứ chiếc bì, thùng, sọt, túi... của ai, ở đâu. Ngoài hai lực lượng này, mọi cán bộ nhà nước đều có thể bắt hàng lậu. Ông Chín Cẩn kể: "Một đoạn đường vài cây số nhưng có tới hơn chục trạm gác kiểm soát hàng hóa. Những trạm gác này thường bắt được những ông cán bộ mặc quần hai lớp để đựng gạo, chị hàng thịt cuốn quanh người những tảng mỡ heo rồi mặc áo trùm bên ngoài. Và đặc biệt nhất là chuyện chở heo trốn qua trạm gác. Một con heo 60 kg đã mổ thịt lấy đi lòng tiết, chở ra chợ bằng cách chằng sau yên xe với tư thế giả làm người ngồi chạng chân sang hai bên. Áo mưa trùm kín "người" rồi đội cho chú "heo người" một cái nón lập mặt. Khi qua trạm gác, trời mới tang tảng sáng, người "mẹ" vừa đạp xe vừa quàng tay ra phía sau vỗ về và nhắc nhở "con", đóng giả mẹ chở con đi học. Tuy nhiên cái cảnh "gia đình đầm ấm" ấy sau cũng bị cán bộ phát hiện. Và người dân lại tìm những cách khác để đối phó với mạng lưới chống buôn lậu. Mục đích cuối cùng của người dân chỉ là mong bán được những thứ mình làm ra để lo cho cuộc sống.

MUA NHƯ CƯỚP

Thời ấy, bà Tư Tây, nông dân ấp Hòa Thạnh, xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành (An Giang) có 50 công ruộng. Mỗi năm thu hoạch hơn trăm gạ lúa. Theo qui định của Nhà nước, nhà bà chỉ được giữ lại khoảng 60% (đủ để ăn), số còn dư buộc phải bán cho Nhà nước. Giá bán thấp hơn tiền vốn bỏ ra, nên nhà bà cũng như tất cả những nông dân trong vùng đều cố gắng tìm cách giấu lúa không cho chính quyền biết. Cuối vụ, từng đoàn cán bộ, có khi cả du kích đeo súng vào từng nhà đo bờ lúa (kiểm tra lúa). Ai thừa định mức bị buộc phải bán tại chỗ. Có vụ, nhà bà phải xay thành gạo và giấu trong tú thờ. Đến khi mở ra thì chuột ăn hết quá nửa. Có nhà, vợ giấu gạo, cầm chìa khóa đi vắng, chồng con ở nhà phải nhịn đói... Để giấu lúa qua trạm, thời đó bà con thường làm ghe, xuồng có hai đáy, khi vận chuyển thì đổ trấu lên đáy trên, đựng lúa ở đáy dưới. Trong nhà thì họ khoét rộng đồng rơm rồi thả lúa vào giữa... Người dân Bến Tre thường đi xuồng xuống Cà Mau mua lúa. Mỗi chuyến đi cả trăm cây số nhưng cũng chỉ có thể

mua 1 tạ trở xuống. Dọc tuyến đường độc đạo này có rất nhiều trạm gác. Có lần một bà nông dân bị cán bộ phát hiện chở lúa. Cán bộ bê bao lúa lên thì bà ta ngất xỉu. "Họ uất ức quá, gia đình đói khổ, quần áo te tua, đi mấy ngày mới tới Cà Mau, cả tuần lễ mới mua được bì lúa. Cả nhà trông vào đó..."

BÁN NHƯ CHO

Nhà có con rẻ mới từ chiến trường trở về, bố vợ muốn mua tặng con một đôi dép nhựa và sắm thêm đôi chiếu cói. Ông đi bộ 18km để lên cửa hàng mua bán của huyện. Tới nơi, cô mậu dịch viên vừa cầm cúi theo khăn vừa nói vọng lên: "Hết hàng!". "Vật đôi này thì sao?". Hỏi đến ba lần ông mới được cô ta gật lên: "Mắt ông để đâu vậy? Không nhìn thấy bảng "Hàng mẫu không bán" à?". Về nhà có người mách ông phải gặp kẻ môi giới và trả thêm tiền mới mua được. Chạy vạy mấy ngày, trả thêm gấp đôi tiền cùng rất nhiều lời cảm ơn cảm tạ, cuối cùng ông cũng mua được đôi dép và cặp chiếu cói. Câu chuyện trên của ông Nguyễn Đình Kiên, xã Gia Trung, huyện Gia Viên (Ninh Bình) về tình trạng quá bình thường của bản thân ông cũng như của tất cả mọi người sống trong thời bao cấp. Ai mua thứ gì cũng phải đến hợp tác xã mua bán hay cửa hàng mậu dịch quốc doanh. Mua cây kim, cuộn chỉ hay cái bắc đèn cũng cực kỳ khó khăn. Nhà nước bán hàng dưới giá thành và cũng thấp hơn giá chợ (bán phân phối), hàng hóa không đủ 1/10 nhu cầu nên nhân viên thương nghiệp kênh kiệu, xem thường khách hàng vô cùng. "Bán như cho" là lời cửa miệng đầy xót xa của thời ngán sông cấm chợ lúc bấy giờ. Các chuyên gia kinh tế bao cấp nghĩ rằng Nhà nước bán rẻ (dưới giá thành) cho dân những mặt hàng thiết yếu thì Nhà nước cũng phải mua sản phẩm của họ với giá rẻ (dưới giá thành). Phần chênh lệch sẽ được tính tương đương nhau, không bên nào bị thiệt mà vẫn ổn định được nhu cầu của mình.

Cả xã hội lúc ấy trở thành một thị trường mua không được, bán cũng không xong. Và khi không đủ hàng hóa để cung cấp, sự thất thoát giữa các khâu phân phối trung gian quá lớn thì thương mại quốc doanh trở thành một thứ ân sủng đối với người tiêu dùng. Vì thế thị trường tự do không thể bị xóa bỏ triệt để nhưng cũng không ngừng bị bóp nghẹt. Nó đã để ra môi trường màu mỡ cho những thủ đoạn tiêu cực như móc ngoặc, chà đạp, tham ô, đầu cơ. Hàng hóa đã khan hiếm lại bị đủ thứ trò mảnh mung, thiệt thòi nhất vẫn là kẻ mua mà mặt mày thường cứ như người "mất số gạo".

(XUÂN TRUNG-QUANG THIỆN- Mua như cướp- Bán như cho)

TRẢ LẠI NÔNG CỤ CHO DÂN

Linh hồn của hợp tác xã và các tập đoàn sản xuất là công hữu hóa tư liệu sản xuất (ruộng đất và nông cụ). Cuối năm 1978, An Giang quyết định thành lập hợp tác xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành làm nhân tố điển hình để mở rộng phong trào hợp tác hóa. Ông Sáu Kiệt, nguyên chủ nhiệm hợp tác xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, An Giang, kể: vận động bà con vào hợp tác xã, công an còn phải đứng bên bờ yêu cầu nông dân phá hết rau để giao đất cho hợp tác xã. Ông Nguyễn Ngọc Triu, nguyên bộ trưởng Nông nghiệp, từng chứng kiến cảnh hai vợ chồng có một con trâu, chồng nghe theo vận động, vào hợp tác xã, vợ thì không. Khi ra đồng, chồng đòi dắt trâu cày cho hợp tác, vợ giằng lại thùng để cày cho ruộng nhà. Không thể chống nhiệm vụ được hợp tác xã giao, chồng phải trói vợ giữa đồng để cày xong mới thả cả người lẫn trâu... Rồi mạ chết rét, thời vụ sắp hết, loa hợp tác xã gọi xã viên ra đồng cấy dặm, nhưng từng đoàn người uê oải dật dứu nhau như đi hội. Vừa làm vừa ngẩng đầu tán gẫu chờ keng nghỉ trưa. Và dù không thiên tai thì năm nào cũng như mất mùa... Cảnh cha chung không ai khóc bao trùm lên tất cả các hợp tác xã lúc bấy giờ. Cuối mỗi buổi làm, cán bộ hợp tác xã ghi điểm từng người. Chỉ cần đánh trống ghi tên là được. Điểm này sau qui ra thóc với giá rất rẻ rúng. Làm ăn như vậy,

cuối vụ thóc thu về bằng 1/4 thời chưa vào hợp tác. Ai dành dụm được chút lúa thì phải bán cho Nhà nước, cấm mang ra chợ. Giá Nhà nước mua chỉ bằng 1/10 giá chợ và không đủ hoàn vốn đầu tư.

Thời trước bà con xã Hòa Bình Thạnh đã đầu tư rất nhiều máy móc phục vụ sản xuất. Toàn xã 900 hộ có hơn 70 cỗ máy cày bừa, bơm, xới... Vận động bà con vào hợp tác xã rất khó nhưng lãnh đạo ra chủ trương bằng mọi giá phải công hữu hóa hết số máy móc nông cụ. Tất nhiên việc ấy thì làm được nhưng hầu hết các chủ máy đều rất miễn cưỡng vào tập thể. Họ nói đây là thứ tài sản lớn, nhiều năm chắt chiu mới có được. Thứ hai phải "hiếu" nó, "yêu" nó thì nó mới sống mà nuôi người được. Nay đã vào hợp tác, thu nhập tính bằng công lao động, máy giao người khác như vậy là họ mất không... Thế là dù phải nộp máy cho hợp tác nhưng họ cố tình tháo bớt phụ tùng. Có người chặt gàn đứt cả xích, cưa cả trục máy rồi mới giao hợp tác xã. Số máy có thể hoạt động thì những chủ cũ không chịu điều khiển hoặc không được điều khiển nên giao cho chủ mới. Chủ mới thường thiếu kỹ thuật hoặc thiếu tâm huyết nên chẳng mấy chốc cũng lại để đắp chiếu. Thế là sau một vụ, 100% đầu máy nông nghiệp của xã phải nằm kho, hàng trăm hecta đất không làm kịp vụ phải bỏ hoang. Ông Nguyễn Văn Hôn, nguyên bí thư Tỉnh ủy An Giang, nhớ rất rõ: lúc ấy tỉnh gần như hoàn thành chỉ tiêu hợp tác hóa bằng các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Nhưng đồng hành với việc này là 20.000 ha diện tích đất bỏ hoang (chiếm gần 10% tổng diện tích) vì lý do trên. Không có cách nào khác để khắc phục ngoài việc phải trả máy cho dân. Tuy nhiên, ý tưởng này là trái với ý chí công hữu hóa tư liệu sản xuất. Ông Hôn yêu cầu phải nghĩ cách. Ban đầu tỉnh xin Nhà nước kinh phí để mua máy mới và sửa chữa máy cũ vì an ninh lương thực bị đe dọa. Tất nhiên trung ương lúc ấy lấy đâu ra ngân sách để mua máy nên đã trả lời không có. Vậy các tập đoàn, hợp tác xã muốn hoạt động được phải bỏ tiền ra mà mua, mà sửa máy. Tỉnh ra công văn yêu cầu những đơn vị đó thực hiện ngay.....

(XUÂN TRUNG - QUANG THIÊN- Công phá lũy tre)

HÀNH TRÌNH CỦA BAO MIẾN (Bún tàu)

Năm 1979 khi tôi đang công tác tại thành phố Hồ Chí Minh, được nghỉ phép về quê tại Nghĩa Đàn (Nghệ An). Chuyên về quê nghỉ phép năm ấy tôi không bao giờ quên vì suýt nữa tôi đã phải ngồi tù. Ngày ấy cánh lính chúng tôi mỗi khi có việc (nghỉ phép hoặc công tác) ở các tỉnh phía Bắc phải đi tàu hỏa. Xuống tàu tại ga Vinh, tôi khệ nệ nào ba-lô, đồ đạc linh tinh, vác bao miến "đặc sản Hồ Nai" trên vai đến bến xe khách lấy vé về quê mặc dù cực khổ nhưng trong lòng rất phấn khởi vì sắp được gặp lại những người thân, đặc biệt là lại có bao miến làm quà.

Khi xe chạy vào địa phận Nghĩa Đàn chưa được 1 km thì xuất hiện một trạm gác (thời ngăn sông cấm chợ nhiều trạm gác lắm). Dân địa phương gọi trạm này là trạm Khe Son. Trước tiên là cần rào cản barie, được làm bằng nguyên cả cây tre, bở xuống chắn ngang đầu xe. Chiếc xe dừng hẳn lại, hành khách lục tục xuống xe nhưng đa số vẫn ngồi yên. Một người đàn ông chừng 40-50 tuổi, chẳng biết là nhân viên thuế hay quản lý thị trường, bước một chân lên cửa xe quát: "Tất cả xuống để kiểm tra hành lý!". Đến lúc này hành khách mới miễn cưỡng rời ghế xuống xe. Tôi là người rời xe sau cùng. Hai, ba người đàn ông hùng hổ bước lên xe, lục tung mọi đồ đạc hành lý của hành khách, nhiều đồ đạc bị lôi xuống, tôi nhìn thấy có những nồi đất đựng cá nướng của bà con vùng biển mang lên bán cho vùng núi, mỗi nồi chỉ khoảng 3-4 kg cá, mà vẫn bị lôi xuống và bị gọi là hàng cấm, có thể bị tịch thu. Tôi đang ngạc nhiên về điều đó thì nghe tiếng quát của một nhân viên: "Cái bao bố này của ai?". Tôi chạy lại nói của tôi. Ông ta hỏi tiếp: "Cái gì trong này?". Tôi trả lời là miến, tôi mang từ trong Nam ra để làm quà cho gia đình. Ông ta khẳng định: "Miến làm bằng gạo, là lương thực, là hàng cấm lưu thông, chỉ có Nhà nước

mới được vận chuyển từ tỉnh này qua tỉnh khác, anh đã mang hàng không được phép, chúng tôi lập biên bản tịch thu". Tôi giải thích đây là miến chứ không phải gạo, hơn nữa số lượng không nhiều, không phải mục đích buôn bán gì, chỉ làm quà cho gia đình, nhưng ông ta cũng không cho, buộc tôi phải đưa xuống trạm để lập biên bản. Tôi nhất quyết không chịu. Ông ta nắm bao bố định kéo xuống. Tôi giằng lấy bao miến, nhìn thẳng vào mặt ông ta nói rít qua kẽ răng vừa đủ để ông ta nghe: "Nếu ông dám kéo bao này xuống, tôi sẽ bắn vỡ mặt ông" - vừa nói tôi vừa đưa tay móc khẩu K54 (chỉ để ông ta nhìn thấy). Chẳng biết ông ta sợ khẩu K54 hay sợ ánh mắt náy lửa của tôi lúc đó, chỉ thấy ông ta buông bao miến ra và lặng lẽ bước xuống xe, đi thẳng vào trạm. Tôi thấy ông ta trao đổi gì đó với một người khác (có lẽ là người phụ trách trạm). Rồi không thấy ông ta ra nữa. Sau khoảng một giờ đồng hồ lục soát, tiếng quát tháo, tiếng năn nỉ van xin, kẻ chạy ra người chạy vô nhốn nháo, cuối cùng xe cũng được phép chạy và bao miến "đặc sản Hồ Nai" của tôi cũng về được nơi tôi muốn. Cho đến bây giờ, đã 26 năm trôi qua, nhưng mỗi khi có dịp được ăn miến gà, miến vịt, miến giò heo... tôi lại nhớ bao miến "đặc sản Hồ Nai" và cuộc hành trình gian nan của nó.

(TRƯƠNG ĐỨC THẮNG- Nỗi Niềm Của Tôi)

Tưởng cũng nên nhắc lại rằng trong nghị trình Đại hội Đảng lần thứ X, người ta thấy có phần đánh giá lại "thành quả 20 năm" của đảng CSVN kể từ giai đoạn bắt đầu đổi mới (1986) đến tháng Tư năm 2006, năm họp Đại hội. Điều này có nghĩa là tập đoàn lãnh đạo đảng CSVN đã có tình lờ đi giai đoạn cực kỳ đen tối của hơn 10 năm trước đó (1975-1985), giai đoạn thường được nhân dân trong nước gọi một cách vắn tắt là "Thời Bao cấp", cái thời của mông muội, tối đen với biết bao đổ vỡ, tang tóc đưa nhân dân cả nước đến chỗ khốn cùng mà thủ phạm gây nên không ai khác hơn chính là tập đoàn lãnh đạo của đảng CSVN. Nhiều nhân vật cao cấp trong tập đoàn này, ngày nay không còn nữa như Tố Hữu, Trường Chinh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ ...nhưng một số tên tuổi khác thì vẫn còn nhờn như sống ung dung phè phỡn, thậm chí còn chường mặt một cách vênh vác trên các báo hay trên truyền hình trong những dịp lễ lớn, thí dụ như Cựu Tổng Bí Thư Đỗ Mười, một tên kiến thức thì ấu trĩ nhưng lại kiêu ngạo, huyên hoang đã có một thời nắm trong tay vận mệnh của cả nước. Thái độ nhờn như vênh vác này phải được coi như một sự vô sỉ, trắng trợn, vô cảm ngồi xổm lên nỗi đau và oan khuất của biết bao nhiêu thành phần dân chúng đã từng có một thời là nạn nhân dưới bàn tay bạo tàn và khối óc ngu si đần độn của chúng, bởi vì làm sao người ta quên được những mất mát, những đau thương, những đổ vỡ trong cái gọi là "thời bao cấp" ấy!

Đại Hội Đảng CSVN lần thứ X vừa nhóm họp muốn người dân quên đi tất cả những sự kiện đen tối đó. Nhưng tang thương còn đó, nhân chứng còn đó, bút mực còn đó. Làm sao CSVN có thể bôi xoá được những trang sử vốn đã in hằn lên tâm khảm của mọi thành phần trong hàng ngũ dân tộc.